

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập
giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 123/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính
Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội
học tập giai đoạn 2021-2030”;*

*Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập
giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra
số 103/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện
Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC và các văn bản có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hằng năm: Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND Quy định mức chi cụ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm: Công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Chi tổ chức các hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND;

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ quyết định phù hợp trong phạm vi dự toán được giao nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

5. Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; hỗ trợ mua tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng: Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.

6. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục):

- Chi cho cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện điều tra, khảo sát: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC; thời gian thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát không quá 10 ngày;

- Chi cho người trực tiếp nhập dữ liệu từ phiếu điều tra (phiếu giấy), kiểm tra hiệu đính, tổng hợp, phân tích dữ liệu phổ cập giáo dục cấp xã: Thực hiện khoán tiền công tối đa không quá 7% tiền công chi trả cho cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện công tác điều tra, khảo sát.

b) Hỗ trợ văn phòng phẩm cho giáo viên dạy xóa mù chữ: 200.000 đồng/giáo viên/kỳ.

c) Hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ:

- Hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm: Mức chi căn cứ theo thực tế phát sinh và thời gian học của các lớp học;

- Chi mua hồ sơ, sổ sách theo dõi quá trình học tập cho mỗi lớp học trong từng giai đoạn học xóa mù chữ: Theo số học viên thực tế và hóa đơn, chứng từ hợp lệ, hợp pháp theo quy định của pháp luật trong phạm vi dự toán được giao;

- Hỗ trợ học phẩm đối với học viên lớp học xóa mù chữ: Theo thực tế và hóa đơn, chứng từ hợp lệ, hợp pháp theo quy định của pháp luật trong phạm vi dự toán được giao nhưng không vượt quá 720.000 đồng/học viên/giai đoạn. Danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm được hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chi mua sách giáo khoa dùng chung (Bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình xóa mù chữ): Theo thực tế và hóa đơn, chứng từ hợp lệ, hợp pháp theo quy định của pháp luật trong phạm vi dự toán được giao. Sau khi kết thúc mỗi giai đoạn học, thực hiện thu hồi sách giáo khoa để tái sử dụng. Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng có trách nhiệm quản lý sách giáo khoa dùng chung phục vụ các lớp xóa mù chữ trên địa bàn, quyết định việc mua mới sau khi đã rà soát, xác định số lượng sách giáo khoa hiện có không đáp ứng đủ nhu cầu hoặc sách giáo khoa đã hư hỏng, xuống cấp, không bảo đảm điều kiện sử dụng;

- Hỗ trợ Ban Chỉ đạo cấp xã tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ: 200.000 đồng/đối tượng đến lớp và hoàn thành 01 giai đoạn học tập của Chương trình xóa mù chữ (sau mỗi giai đoạn học tập được hỗ trợ 01 lần).

d) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập: Chi trả theo chế độ tiền lương quy định hiện hành. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT Quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

đ) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

7. Công tác thi đua khen thưởng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ Danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 22 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Đối với các nhiệm vụ thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, giao nhiệm vụ thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành và thanh quyết toán theo quy định đã được phê duyệt.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Trà